

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2022/DS-PT

Ngày: 03/8/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng
dịch vụ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2022/DS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C1 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 142/2022/QĐPT-DS ngày 29 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đăng Đ, sinh năm 1964;

Cư trú tại: Số nhà 03, đường T, Khu phố A, phường H, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 104/60, đường T1, Phường O, Quận I, Thành Phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Phùng Quốc Đ1, sinh năm 1983;

Cư trú tại: Ấp S, xã A1, huyện C1, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ nơi công tác: Công ty TNHH may mặc A3, Lô X, Khu công nghiệp G, xã A1, huyện C1, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Đăng Đ là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/8/2020, bản tự khai, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Đăng Đ trình bày:

Ngày 10/4/2018, tại nhà Phùng Quốc Đ1, ông và ông Đ1 có lập hợp đồng thỏa thuận dịch vụ với nội dung: Ông Đ1 đồng ý giao cho ông làm dịch vụ cho việc đòi ông Huỳnh Thủ C2 và bà Hà Thị Ngọc H3 số tiền là 1.400.000.000 đồng (theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 12/7/2017) cùng lãi suất chậm trả. Ông Đ1 sẽ trả tiền công cho ông là 20% trên số tiền 1.400.000.000 đồng mà ông đòi được cùng toàn bộ lãi suất. Cùng ngày, ông Đ1 đã lập giấy ủy quyền cho ông tại văn phòng công chứng K3 để ông thay mặt ông Đ1 liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền, Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến tre đòi lại số tiền 1.400.000.000 đồng cho ông Đ1.

Theo biên bản hòa giải lập ngày 01/6/2018 tại Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre, tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 12/5/2018 ông yêu cầu ông C2 và bà H3 trả lại cho ông Đ1 là 1.522.200.000 đồng. Đến ngày 18/7/2018, Tòa án có thông báo số 272/TB-TA thông báo về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 07/8/2018 (lần thứ hai), do không có chứng cứ nào mới so với chứng cứ đã nộp cho Tòa án và tại buổi hòa giải lần 1 cũng có mặt ông Đ1 nên ông và ông Đ1 đã thống nhất đến phiên họp giao nộp chứng cứ và phiên hòa giải lần 02 ông sẽ không có mặt tham gia phiên họp và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như nội dung lần hòa giải lần 1 vào ngày 01/6/20218.

Trước khi vào tham gia phiên họp công khai chứng cứ vào lúc 07 giờ 30 ngày 07/8/2018, ông có trao đổi công việc với ông Đ1 qua điện thoại, nhưng đến phiên họp ông Đ1 tự ý quyết định sự việc mà không hỏi ý kiến và thông báo cho ông biết. Căn cứ vào nội dung của Biên bản hòa giải ngày 07/8/2018 và Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 61/2018/QĐST-DS ngày 15/8/2018 ông Đ1 đã thỏa thuận số tiền mà ông C2, bà H3 phải trả cho ông Đ1 là 1.700.000.000 đồng, trong đó ông Đ1 khấu trừ vào số tiền ông Đ1 còn nợ tiền máy móc theo (hợp đồng góp vốn) với ông C2, bà H3 là 1.089.000.000 đồng còn lại ông C2, bà H3 phải trả cho ông Đ1 611.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Nội dung thỏa thuận này, không thể hiện ý C2 của ông. Ông và ông Đ1 đã ký thỏa thuận trên số tiền ăn chia phần trăm trên số tiền ông đòi được. Ông đã tự bỏ chi phí đi lại và các chi phí khác cho đến khi vụ án kết thúc vụ án và thực hiện công việc theo thỏa thuận nhưng ông Đ1 lại hủy ngang và cắt đứt liên lạc với ông. Vì vậy, nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc: Ông Phùng Quốc Đ1 trả cho ông số tiền công dịch vụ như đã thỏa thuận là 20% của số tiền 1.400.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 15/8/2018 cho đến nay là 483.900.000 đồng.

Theo Bản tự khai và các lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phùng Quốc Đ1 trình bày:

Ông thừa nhận vào ngày 10/4/2018, ông có làm văn bản thỏa thuận cũng như hợp đồng ủy quyền cho ông Đ đại diện ông tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre trong vụ án tranh chấp giữa ông với ông Huỳnh Thủ C2 và bà Hà Thị Ngọc H3. Tại buổi hòa giải đầu tiên, ông Đ có đến, nhưng hai bên không thỏa thuận được giải quyết vụ việc được. Tòa án có mời hòa giải lần 2 vào ngày 7/8/2018, nhưng lần này ông Đ không đến.

Do đó, thẩm phán giải quyết vụ án có gọi điện cho ông thông báo không thấy đại diện ủy quyền của ông đến, ông gọi cho ông Đ, ông Đ nói đang ở Tòa án nhân dân thành phố BT dự hòa giải. Nhưng khi ông đến Tòa án nhân dân thành phố BT thì không có ông Đ mặt. Ông rất giận đã văn bản rút ủy quyền đề tự mình tham gia hòa giải vào ngày 7/8/2018 vì nếu không tham gia buổi hòa giải sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của ông. Vì vậy, trước yêu cầu khởi kiện của ông Đ ông không đồng ý, vì ông Đ đã vi phạm thỏa thuận trước, không đến Tòa án như thỏa thuận. Ông Đ nói có điện báo ông, có thỏa thuận miệng trao đổi là không có. Ông đến Tòa án là do thẩm phán giải quyết vụ án điện báo ông đến. Quá trình giải quyết vụ án, ông có trao đổi với ông Đ, ông sẽ đưa cho ông Đ 25.000.000 đồng, tiền công mà ông Đ làm hồ sơ, đi lại ông Đ có đồng ý nhưng yêu cầu ông chuyển 1 lần, do ông không có khả năng chuyển 1 lần nên ông Đ không đồng ý. Nay, trước yêu cầu khởi kiện của ông Đ ông không đồng ý, cũng không đồng ý việc hỗ trợ ông Đ 25.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2022/DS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C1 đã quyết định như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đăng Đ.

Buộc ông Phùng Quốc Đ1 có trách nhiệm trả công sức cho ông Nguyễn Đăng Đ là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chịu tiền lãi chậm thi hành án, quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/4/2022 nguyên đơn ông Nguyễn Đăng Đ kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2022/DS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Bến Tre yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét

xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các đương sự thống nhất trình bày ngày 10/4/2018 ông Phùng Quốc Đ1 và ông Nguyễn Đăng Đc có thỏa thuận hợp đồng dịch vụ theo đó ông Đ sẽ thực hiện các thủ tục để đòi ông C2, bà H3 giao trả 1.400.000.000 đồng tiền nhận chuyển nhượng cổ phần mà ông C2, bà H3 còn nợ lại ông Đ1 (theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 12/7/2017). Ông Đ sẽ được phân chia 20% trên tổng số tiền mà ông Đ đòi được cùng tiền lãi chậm trả và ông Đ1 đã ký hợp đồng ủy quyền cho ông Đ thực hiện công việc.

Ngày 13/3/2018, ông Đ đại diện theo ủy quyền của ông Đ1 nộp đơn khởi kiện của ông Đ1 về việc khởi kiện ông C2, bà H3 trả tiền nợ và được Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre thụ lý giải quyết vụ án.

[2] Tại phiên hòa giải ngày 01/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, ông Đ yêu cầu ông C2 bà H3 phải trả số tiền 1.400.000 đồng và tiền lãi tổng cộng là 1.522.120.000 đồng (tiền lãi được tính tiếp theo) ông C2 thừa nhận có ký hợp đồng nhận chuyển nhượng cổ phần của ông Đ1 tại Công ty Phúc Tiến Phát là 2.000.000.000 đồng, ông C2, bà H3 đã trả được 600.000.000 đồng, số tiền ông C2, bà H3 thừa nhận còn nợ lại 1.400.000.000 đồng. Nhưng khi đó, các bên không thỏa thuận được cách thức để trả số tiền nêu trên nên hòa giải không thành.

[3] Tại phiên hòa giải lần thứ hai ngày 07/8/2018, ông Đ cho rằng không có gì mới vì ông C2, bà H3 đã thừa nhận nợ nên ông vắng mặt không đồng ý thỏa thuận với nguyên đơn. Việc vắng mặt này của ông Đ không làm thay đổi nội dung vụ án, vì phiên hòa giải là để các đương sự tự thỏa thuận, hòa giải với nhau về việc giải quyết vụ án, nếu không hòa giải được Tòa án cũng sẽ tiếp tục tiến hành trình tự tố tụng tiếp theo để giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định việc ông Đ vắng mặt tại phiên hòa giải làm thiệt hại quyền lợi của ông Đ1, vi phạm hợp đồng ủy quyền là không phù hợp.

Phía ông Đ1 có mặt tại phiên hòa giải ngày 07/8/2018 và hủy bỏ ủy quyền của ông Đ mà không thông báo cho ông Đ cũng như thỏa thuận hủy hợp đồng dịch vụ đã ký kết là vi phạm hợp đồng. Bởi lẽ, Theo nội dung hợp đồng dịch vụ ngày 10/4/2018 thể hiện “ông Đ1 đồng ý giao cho bên ông Đ kiện đòi ông C2, bà H3 số tiền 1.400.000.000 đồng cùng tiền lãi ông Đ1 sẽ trả tiền công cho ông Đ là 20% trên tổng số tiền mà ông Đ đòi được cùng toàn bộ lãi suất chậm trả nếu có... ông Đ1 phải có trách nhiệm làm ủy quyền cho ông Đ để ông thay mặt ông Đ1 thực hiện công việc đòi tiền. Như vậy, việc ông Đ1 ủy quyền ông Đ tham gia tố tụng giải quyết vụ án với ông C2, bà H3 là để thực hiện thỏa thuận của hợp đồng dịch vụ; theo đó hợp đồng dịch vụ và hợp đồng ủy quyền là hai

hợp đồng song song phải cùng thực hiện, việc chấm dứt thực hiện một trong hai hợp đồng sẽ khiến hợp đồng còn lại không thể thực hiện được.

[4] Tại phiên hòa giải lần thứ hai ngày 07/8/2018, trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của ông Đ1 và phiên hòa giải trước; phía ông C2, bà H3 thừa nhận số tiền ông C2, bà H3 nợ ông Đ1 là 1.709.000.000 đồng, đây là sự tự nguyện thừa nhận của đương sự nên được Tòa án ghi nhận.

Tuy nhiên, trước đó ông Đ1 và ông C2, bà H3 có thỏa thuận góp vốn thành lập công ty và ông Đ1 còn nợ tiền máy móc là 1.089.000.000 đồng nên ông Đ1 đã khấu trừ số tiền này vào tiền nợ mà ông còn nợ lại ông C2, bà H3 để nhận lại số tiền 611.000.000 đồng, nhưng đây là số tiền nợ khác ngoài hợp đồng chuyển nhượng cổ phần với giá 2.000.000.000 đồng. Ông Đ đã thực hiện các công việc theo hợp đồng dịch vụ, phía ông C2, bà H3 đã thừa nhận nợ 1.400.000.000 đồng nên ông Đ hoàn toàn có cơ sở đòi được số tiền này. Số tiền vượt quá 1.400.000.000 đồng được thừa nhận tại phiên hòa giải lần đầu là do ông Đ1 tự thỏa thuận được nên số tiền thực tế mà ông Đ đại diện cho ông Đ1 khởi kiện đòi được từ ông C2, bà H3 là 1.400.000.000 đồng (theo sự thừa nhận của ông C2).

[5] Việc ông Đ1 hủy bỏ ủy quyền để tự thỏa thuận giải quyết vụ án nhưng không thỏa thuận với ông Đ về việc giải quyết hợp đồng dịch vụ là vi phạm nghiêm trọng hợp đồng, làm cho ông Đ không thể hoàn thành công việc nên lỗi trong sự việc này thuộc về phía ông Đ1 nên nếu gây ra thiệt hại thì ông Đ1 có trách nhiệm bồi thường. Vì vậy, nguyên đơn ông Đ khởi kiện tranh chấp hợp đồng dịch vụ với ông Đ1 là có căn cứ. Ông Đ yêu cầu nhận 20% của tiền 1.400.000.000 đồng = 280.000.000 đồng theo thỏa thuận hợp đồng dịch vụ và không có yêu cầu bồi thường thiệt hại là có cơ sở nên được chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu tính lãi, theo hợp đồng dịch vụ các bên không thỏa thuận về lãi suất và nghĩa vụ nếu chậm thực hiện hợp đồng và tại phiên tòa ông Đ1 cũng thừa nhận chưa yêu cầu thi hành án đối với số tiền mà ông C2, bà H3 phải trả cho ông, đồng thời ông Đ cũng không chứng minh được việc ông có liên hệ với ông Đ1 để yêu cầu giải quyết hợp đồng nên yêu cầu tính lãi của ông Đ là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định trên, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng Đ, sửa bản án dân sự sơ thẩm. Quan điểm của Kiểm sát viên là không phù hợp nên không được chấp nhận.

[7] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Ông Phùng Quốc Đ1 phải chịu án phí là 14.000.000 đồng

Hoàn trả cho ông Nguyễn Đăng Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.365.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Đăng Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng Đ.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2022/DS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các điều 513, 514, 515, 519, 566 Bộ dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đăng Đ về tranh chấp hợp đồng dịch vụ với ông Phùng Quốc Đ1.

Buộc ông Phùng Quốc Đ1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Đăng Đ số tiền 280.000.000 đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Đ về việc tính lãi đối với số tiền nêu trên.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phùng Quốc Đ1 phải chịu là 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Đăng Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.365.000 đồng (mười bốn triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000175 ngày 29/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C1, tỉnh Bến Tre.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Nguyễn Đăng Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm

ứng án phí số 0006464 ngày 11/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C1, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện C1;
- Chi cục THADS huyện C1 ;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hương

